

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ V
TỈNH P**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc L - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2022/DS-ST
Ngày 14/4/2022
V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH P**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Anh T

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Anh D

Bà Đặng H Ch

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Đào Thị H - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh P.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, tỉnh P tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 14/4/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh P xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 66/2021/TLST-DS ngày 12 tháng 5 năm 2021 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2021/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 9 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 47/2021/QĐST-DS ngày 30/9/2021 và Thông báo mở lại phiên tòa số: 17/2021/TB-TA ngày 12/10/2021; số 22/2021/TB-TA ngày 27/10/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 18/2021/QĐST-DS ngày 12/11/2021; số 56/2021/QĐST-DS ngày 01/12/2021; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 20/2021/QĐST-DS ngày 21/12/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2022/QĐST-DS ngày 21/01/2022; số 08/2022/QĐST-DS ngày 21/02/2022; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 19/2022/QĐST-DS ngày 18/3/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Hoàng Văn H, sinh năm 1967; bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1968.

Đều ĐKNKTT: Khu 7, xã Hy Cương, thành phố V, tỉnh P.

Người đại diện theo ủy quyền của ông H: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1968; ĐKNKTT Khu 7, xã Hy Cương, thành phố V, tỉnh P. (Theo Văn bản ủy quyền ngày 28/7/2020). (Bà H có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Nguyễn Quốc T, sinh năm 1956 - Đoàn luật sư tỉnh P, Văn phòng luật sư Quốc T. (Có mặt)

- Bị đơn: Ông Hoàng Minh P, sinh năm 1944; bà Đào Thị T, sinh năm 1947.

Đều ĐKNKTT: Khu 7, xã Hy Cương, thành phố V, tỉnh P. (Ông P, bà T đều có mặt)

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân thành phố V, tỉnh P.

Địa chỉ trụ sở: Phường Tiên Cát, thành phố V, tỉnh P.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Ngọc S; Chức vụ: Chủ T UBND.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Văn Ch; Chức vụ: Phó phòng tài nguyên môi trường. (Theo văn bản ủy quyền ngày 20 tháng 7 năm 2021) (Vắng mặt và xin xét xử vắng mặt)

2. Ủy ban nhân dân xã Hy Cương, thành phố V, tỉnh P.

Địa chỉ trụ sở: xã Hy Cương, thành phố V, tỉnh P.

Đại diện theo pháp luật: Đào Duy Th; Chức vụ: Chủ T UBND.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Đào Minh L; Chức vụ: Phó Chủ T UBND. (Theo văn bản ủy quyền số: 01/UB-UBND ngày 27 tháng 8 năm 2021) (Vắng mặt và có đơn đề nghị được vắng mặt)

3. Người làm chứng:

- Bà Triệu Thị L, sinh năm 1966

Địa chỉ: Khu 6, xã Hy Cương, thành phố V, tỉnh P.

- Ông Trần Thế K, sinh năm 1957

Địa chỉ: Khu 7, xã Hy Cương, thành phố V, tỉnh P.

- Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1950

Địa chỉ: Khu 7, xã Hy Cương, thành phố V, tỉnh P.

- Ông Triệu Xuân L, sinh năm 1952

Địa chỉ: Khu 7, xã Hy Cương, thành phố V, tỉnh P.

(Những người làm chứng đều xin vắng mặt có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo, bà Nguyễn Thị H trình bày: Bà là chủ sử dụng thửa đất số 99, tờ bản đồ số 37, diện tích 1360m², đã được Ủy ban nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T.765675 ngày 09/01/2002, số vào sổ: 00642/Q5/081. Gia đình bà vẫn sử dụng ổn định từ lâu nay không tranh chấp với cá nhân, tổ chức nào. Nguồn gốc đất là mua của bà Triệu Thị L khu 6, xã Hy Cương; ông Triệu Thanh Xuân khu 7, xã Hy Cương từ những năm 1987 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 09/02/2002.

Tháng 8/2020 bà H thấy ông Hoàng Minh P, bà Đào Thị T cho rào vào phía trước thửa đất và tranh chấp không cho bà sử dụng diện tích 213,2m² trong thửa đất hợp pháp của bà. Sau khi bà ra Ủy ban nhân dân xã hỏi mới biết ông P, bà T đã được xã Hy Cương vẽ bổ sung diện tích 213,2m² và có sổ thửa mới 214, tờ bản đồ số 17 vẽ cH lên thửa đất của bà là vi phạm pháp luật.

Tại Ủy ban nhân dân xã Hy Cương bà đã được giải thích là năm 2008 xã Hy Cương đo đạc lại, đã tách thửa mới là thửa 214, tờ bản đồ 17, diện tích 213,2m² và trên bản đồ có ghi tên ông Hoàng Minh P và trong sổ mục kê mới năm 2008 có tên ông P sử dụng 213,2m² tờ bản đồ 17, loại đất ĐRM

Thửa đất số 99, tờ bản đồ số 37, diện tích 1360m² Bà H đã được cấp sổ đỏ và được kiểm đếm và có trong sổ mục kê, sổ địa chính của xã, được thể hiện tại bản đồ 299 và bản đồ đo vẽ năm 2001 của xã Hy Cương và theo hệ thống quản lý đất

đại của Nhà nước. Do đó việc xã Hy Cương đã tự đo vẽ ghi tên ông Hoàng Minh P và bà T vào hồ sơ địa chính mới theo bà là vi phạm Pháp luật.

Bà H đề nghị xem xét buộc ông Hoàng Minh P và Đào Thị T phải trả lại cho bà thửa đất số 214, tờ bản đồ số 17 diện tích 213,2m² đất ĐRM thuộc khu 7 xã Hy Cương và đề nghị Hội đồng xét xử công nhận diện tích có trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông H, bà H số T.765675 ngày 09/01/2002 tại 02 thửa đất 192 tờ 17 diện tích 1005,5m², tại thửa 214 tờ 17 diện tích 213,2m² vẫn do vợ chồng bà sử dụng hợp pháp. (Hai thửa này đều nằm trong thửa 99, tờ bản đồ 37 (theo bản đồ 299) nay ông H, bà H đã sử dụng). Buộc Ủy ban nhân dân xã Hy Cương phải điều chỉnh lại bản đồ địa chính đo vẽ mới đã tự ý tách thửa đất mới số 214 diện tích 213,2m² đứng tên ông Hoàng Minh P và bà Đào Thị T khu 7, xã Hy Cương, thành phố V, tỉnh P, trả lại nguyên trạng thửa đất 99, diện tích 1.360m² loại đất màu đòi cho bà sử dụng.

Tại đơn xin xác nhận ngày 10/11/2021 của bà Nguyễn Thị H còn trình bày: Đối với thửa đất diện tích 1360m², từ khi khai thác, sử dụng bà đã nộp thuế đầy đủ. Từ năm 2012 Nhà nước không thu nên bà không phải nộp nữa. Đơn có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Hy Cương, thành phố V, tỉnh P.

Bị đơn ông Hoàng Minh P và bà Đào Thị T trình bày: Năm 1988 ông bà có khai phá thửa đất số 214, diện tích 213,2m² thửa đất này trước do ông Khanh vỡ trồng sắn nhưng sau ông Khanh bỏ vì phải đóng thuế, gia đình ông bà khai phá trồng trọt từ năm 1988 đến nay. Giáp của ông bà là của ông B, ông Mẫu, chị L Hòa bán cho anh H. Đến tháng 8 âm lịch hai con ông H lên hỏi mua nhưng ông bà không bán L tức làm đơn lên xã vụ cho ông bà lấy đất. Xã đã giải quyết 03 lần nhưng không thành sau đó chủ T xã ông Xuân cử 03 người là anh Quang công an viên, ông Triệu Phú Lợi là bí thư chi bộ, anh Triệu Mạnh Hùng là trưởng khu 7 ra nhà ông Hoàng Văn Mẫn có vườn cọ giáp đất của ông bà, nói đất của ông P vỡ là đất của ông Khanh trước đây ông trồng sắn lại đóng thuế nên ông bỏ ông bà vỡ từ năm 1988 đến nay. Hiện nay tre và bạch đàn vẫn còn ông bà sử dụng. Chiều ngày 26/1/2021 hồi 16 giờ anh H thuê máy ủi vào đất của ông bà làm vỡ gạch 2.200 viên ông bà báo công an xã, công an xã L biên bản anh H phải đền cho ông bà là 1.000.000 đồng. Sau đó chị H và anh H còn đe dọa đánh ông bà. Vậy ông bà đề nghị:

+ Tòa án cho người làm thẩm tra tại hiện trường để xác minh bụi tre và cây cối ông bà trồng.

+ Tòa án cho mời chị L là chủ đất miếng đất chuyển cho anh H; mời ông B, ông K, ông L, mời anh Chiến là địa chính cũ để chứng nhận thửa đất này là của ông bà hay không.

- Ủy ban nhân dân xã Hy Cương do ông Đào Minh Lượng, chức vụ phó chủ T là đại diện theo ủy quyền trình bày: Căn cứ theo sổ sách lưu trữ về địa chính, bản đồ địa chính và hiện trạng của thửa đang tranh chấp thì: Năm 2002, hộ ông Hoàng Văn H được Ủy ban nhân dân huyện Lâm Thao cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong đó có thửa đất số 99, tờ 37, diện tích 1360m² đất màu đòi (theo bản đồ 299). Theo bản đồ địa chính năm 2010 đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt,

khi nhà nước tiến hành đo đạc để L bản đồ địa chính mới thì thửa đất số 99, tờ 37 trên được đo tách thành 02 thửa gồm:

+ Thửa đất số 192, tờ bản đồ 17, diện tích 1005,5m² mang tên Hoàng Văn H.

+ Thửa số 214, tờ bản đồ 17, diện tích 213,2m² mang tên Hoàng Minh P nhưng thửa đất này chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tại buổi hòa giải tranh chấp đất giữa gia đình ông H và gia đình ông P, gia đình ông P cho biết thửa đất số 214, tờ 17 trên gia đình ông đã khai Hng sử dụng từ năm 1988 đến nay.

- Hiện tại toàn bộ diện tích đất của 02 thửa đất 192; 214 thuộc tờ bản đồ 17 (theo bản đồ địa chính đo vẽ năm 2010) vẫn nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp năm 2002 mang tên ông Hoàng Văn H mà chưa cấp cho ai khác; thửa đất trên thuộc quy hoạch vùng II Đền Hùng đến thời điểm này chưa có quyết định và thông báo thu hồi đất của các cấp có thẩm quyền.

- Ủy ban nhân dân thành phố V do ông Phạm Văn Chung - Phó phòng tài nguyên môi trường là đại diện theo ủy quyền trình bày: Sau khi kiểm tra hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Căn cứ Luật đất đai 1993; Luật sửa đổi bổ sung một số điều Luật đất đai 1998 và 2001; Căn cứ Thông tư số 1990/TT-TCĐC ngày 30/11/2001 của Tổng cục địa chính hướng dẫn thủ tục đăng ký, L hồ sơ địa chính cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hội đồng xét duyệt việc đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ủy ban nhân dân xã Hy Cương xác nhận việc sử dụng đất của các hộ đối với các thửa đất nêu trên đầy đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đề nghị cấp trên xét duyệt.

Hộ ông Hoàng Văn H được Ủy ban nhân dân huyện Lâm Thao cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T765675 gồm các thửa đất, cụ thể: Thửa số 15, tờ bản đồ số 10, diện tích 372,0m² đất lúa (LUC); số 21, tờ bản đồ số 10, diện tích 100m² đất lúa (LUC); số 50, tờ bản đồ số 10 diện tích 212m² đất lúa (LUC); số 51, tờ bản đồ số 10, diện tích 228m² đất lúa (LUC); số 81, tờ bản đồ số 10, diện tích 536m² đất lúa (LUC); số 128, tờ bản đồ số 10, diện tích 198m² đất lúa (LUC); số 228, tờ bản đồ số 10, diện tích 210m² đất lúa (LUC); số 99, tờ bản đồ số 37, diện tích 1.360m² đất màu (ĐRM); số 116, tờ bản đồ số 13, diện tích 342m² đất ĐRM; số 72, tờ bản đồ số 18, diện tích 224m² đất ĐRM; thửa số 91, tờ bản đồ số 37, diện tích 1.400m² (trong đó 400m² đất ở và 1.000m² đất vườn) tại khu 4, xã Hy Cương, thành phố V, tỉnh P ngày 09/01/2002, số vào sổ H00642 QSDĐ/Q5, (081).

Theo bản đồ địa chính thửa đất số 99, tờ bản đồ số 37, diện tích 1.360m² đất màu (ĐRM) đang được thể hiện hai thửa đất (Thửa số 192, tờ bản đồ 17, diện tích 1005,5m² và thửa số 214, tờ bản đồ số 17, diện tích 213,2m²). Hai thửa đất 192 và 214 thuộc thửa đất số 99, tờ bản đồ số 37 đã được Ủy ban nhân dân huyện Lâm Thao cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 765675 cho hộ ông Hoàng Văn H ngày 09/01/2002, số vào sổ H 00642 QSDĐ/Q5, (081). Tại trang 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hộ ông Hoàng Văn H đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa số 91, tờ bản đồ số 37 diện tích 1006m² (trong đó 430m² đất ở và 706m² đất vườn).

Nay các hộ tranh chấp quyền sử dụng đất tại thửa đất số 99, tờ bản đồ số 37, diện tích 1360m² (đất ĐRM) đất màu đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng

đất cho hộ ông Hoàng Văn H đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Những người làm chứng trình bày:

- *Tại bản tự khai ngày 30/8/2021 bà Triệu Thị L trình bày:* Giữa hai bên bà không biết, bà chỉ biết ông P trồng cây còn đất thì bà không biết. Bản tự khai ngày 18/12/2021 bà L trình bày: Bà thấy ông P, bà T có trồng cây trên mảnh đất đấy nhưng bà không biết đất của ai, bà chỉ biết thế.

- *Tại bản tự khai ngày 30/8/2021 ông Triệu Xuân L trình bày:* Ông thấy ông Đào Xuân P trồng cây rau màu từ năm 1988 không thấy ai tranh chấp đến năm 2020 thì lại thấy bảo là bà Nguyễn Thị H tranh chấp với ông P. Về đất ông không biết của ai. Ông chỉ biết ông P canh tác từ năm 1988 đến năm 2020. Hiện tại ông P vẫn còn 03 bụi tre và bạch đàn. Bản tự khai ngày 19/12/2021 ông L trình bày: Ông chứng nhận thửa đất hóc Lũng Luận, phía đông giáp với ông Mẫn, phía tây giáp đất ông B, phía Bắc giáp bà L, phía Nam giáp đường. Trước đây ông thấy ông Hoàng Văn Khanh khai phá trồng sắn, vùng, lạc, rau màu. Xong do thu hoạch kém nên ông Khanh bỏ. Đến năm 1988 ông lại thấy ông Hoàng Minh P xới xáo khai phá trồng sắn, rau màu chắc kém hiệu quả nên ông trồng tre, bạch đàn. Đến khoảng giữa năm 2020 ông vẫn không thấy tranh chấp cho đến nay ông thấy ông P vẫn trồng cây cối thu hoạch.

- *Tại bản tự khai ngày 17/12/2021 ông Trần Thế K trình bày:* Ông là người hàng xóm có đất ở cùm B rào với đất của bà L ở cùng khu 7. Sau khi bà L nhượng đất chuyển đi nơi khác nay nhà ở khu 6, xã Hy Cương. Ông có biết gia đình ông P, bà T có một mảnh đất liền kề giáp đất của ông B, một mặt giáp đất của ông P, một mặt giáp đất của bà L đã canh tác sử dụng trồng màu từ những năm 1987 - 1988. Năm 2012 đất ông B chuyển nhượng cho người khác, khi người mua đất ông B xây B rào gạch, có sự chứng kiến của gia đình ông P, bà T, mảnh đất vẫn nguyên vẹn không có tranh chấp với ai và cũng không có ai tranh chấp.

- *Tại bản tự khai ngày 19/12/2021 ông Nguyễn Văn B trình bày:* Mảnh đất của ông Hoàng Minh P ở khu 7 đã sử dụng từ năm 1988. Quá trình ông trồng sắn, trồng chè. Sau đó do không kết quả ông chuyển sang trồng cây tre và cây bạch đàn, hiện tại vẫn còn nguyên trên mảnh đất.

Ông Nguyễn Quốc T - Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn có quan điểm:

- Về quyền sử dụng đất của ông H, bà H: Gia đình bà H sử dụng ổn định thửa đất số 99, tờ 37, diện tích 1360m² từ năm 1990. Đã được kiểm đếm, quy chủ theo hồ sơ địa chính có lưu lại Ủy ban nhân dân xã Hy Cương. Đã được L hồ sơ địa chính theo đúng quy định của pháp luật. Quá trình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được thông báo, niêm yết theo quy trình công khai không ai thắc mắc khiếu nại gì. Ông H, bà H đã được Ủy ban nhân dân huyện Lâm Thao cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T.765675 ngày 09/01/2002 tại thửa 99, tờ bản đồ số 37 diện tích 1360m² (theo bản đồ 299) đất ĐRM và sử dụng đất ổn định không có tranh chấp gì với ai từ ngày được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến năm 2020 ông P tiến hành rào rậu phía ngoài bà H mới biết và phát sinh tranh chấp phần đất của gia đình ông H bà H là (thửa đất 214 diện tích 213,2m² theo bản đồ

mới về năm 2010) nêu trên. Đề nghị Hội đồng xét xử buộc ông H, bà H phải trả lại thửa đất 214 diện tích 213,2m² và công nhận diện tích có trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông H, bà H số T.765675 ngày 09/01/2002 tại 02 thửa đất 192 tờ 17 diện tích 1005,5m², tại thửa 214 tờ 17 diện tích 213,2m² vẫn do bà H, ông H sử dụng hợp pháp. (Hai thửa này đều nằm trong thửa 99, tờ bản đồ 37 (theo bản đồ 299) nay ông H, bà H đã sử dụng).

- Về bụi tre bên ngoài giáp mặt đường dân sinh theo kết quả định giá là 500.000đ. Bà H đồng ý là do ông P cấm tre nên đã mọc thành bụi hiện nay. Thời gian qua bà vẫn lấy măng và chặt vài cây tre nhỏ sử dụng không có ai tranh chấp. Đề nghị Hội đồng xét xử giao bụi tre này cho bà H sử dụng và bà H có nghĩa vụ thanh toán chênh lệch cho ông P, bà T 500.000đ theo kết quả định giá. Về cây bạch đàn tự mọc trên đất bà H, kết quả định giá là 103.400đ. Về 02 bụi tre phía bên trong thửa đất, trị giá 1.000.000đ (làm tròn) là do bà H trồng mà có. Bà H, ông H không công nhận do ông P, bà T trồng. Bà H, ông H chỉ có nghĩa vụ thanh toán chênh lệch cho ông P, bà T 500.000đ bụi tre giáp đường đi dân sinh. Ông H, bà H được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được cấp giấy, đính chính lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo số thửa mới.

Ngày 16/7/2021 Tòa án đã tiến hành đo đạc, thẩm định đối với thửa đất tranh chấp và xác định: Thửa đất số 99, tờ bản đồ số 37 diện tích 1360m² đất ĐRM theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 765675 do Ủy ban nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh P cấp ngày 09/01/2002 đứng tên hộ ông Hoàng Văn H tại khu 4, xã Hy Cương, thành phố V, tỉnh P hiện nay đã tách thành 02 thửa là thửa số 192 diện tích 1.005,5m² (diện tích đo thực tế 963,5m²) và thửa số 214 diện tích 213,2m² (diện tích đo thực tế 215,0m²). Trên đất có 03 bụi tre 50 cây x 12.000đ/01 cây x 03 bụi = 1.800.000đ; 01 cây bạch đàn đường kính 30cm trị giá 103.400đ; 10 cây cọ 387.400đ/01 cây x 10 cây = 3.874.000đ. Tổng giá trị tài sản trên đất là: 5.777.400đ (Năm triệu, bảy trăm bảy mươi bảy nghìn, bốn trăm đồng).

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng các bên không thỏa thuận được với nhau về nội dung giải quyết vụ án, vì vậy vụ án được đưa ra xét xử theo quy định pháp luật.

Ngày 06/4/2022, Tòa án đã tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Hy Cương về nguồn gốc thửa đất thì được bà Triệu Thị L cho biết: Khu đất đang tranh chấp là do bà khai Hng, phục hóa sử dụng một thời gian, đến khoảng năm 1987 - 1988, bà không có nhu cầu sử dụng và nhượng lại cho bà Nguyễn Thị H và ông Hoàng Văn H sử dụng. Sau khi nhượng lại cho bà H, ông H thì bà không đến đó canh tác nữa, hiện tại thửa đất đó đứng tên ai bà không rõ.

Cùng ngày, Tòa án tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Hy Cương về việc ông Hoàng Minh P làm trưởng khu vào năm nào, đại diện Ủy ban nhân dân xã ông Đào Minh Lượng – Phó chủ T xã Hy Cương cho biết: Ông Hoàng Minh P làm trưởng khu từ năm 1995.

* Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, tỉnh P phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia

tổ tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 500 Bộ luật dân sự 2015, Điều 100, 106, 166, 203 Luật đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 47, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn H và bà Nguyễn Thị H về việc yêu cầu ông Hoàng Minh P và bà Đào Thị T trả lại thửa đất số 214, tờ bản đồ 17, diện tích 213,2m² đất ĐRM thuộc khu 7, xã Hy Cương, thành phố V, tỉnh P.

Giao 03 bụi tre, 01 cây bạch đàn và 10 cây cọ tổng trị giá là 5.777.400đ cho bà H, ông H. Bà H, ông H phải thanh toán số tiền chênh lệch tài sản cho ông P, bà T là 5.777.400đ.

Về án phí: Theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết được xác định: Đây là “Tranh chấp quyền sử dụng đất” giữa nguyên đơn ông Hoàng Văn H, bà Nguyễn Thị H và bị đơn ông Hoàng Minh P, bà Đào Thị T. Bị đơn có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu 7, xã Hy Cương, thành phố V, tỉnh P. Căn cứ quy định tại khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh P là đúng quy định pháp luật.

Đối với bà Triệu Thị L, sinh năm 1966, hiện ở khu 6, xã Hy Cương, thành phố V, tỉnh P (là người bán đất cho ông H, bà H). Viện kiểm sát nhân dân thành phố V đề nghị đưa vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Căn cứ vào khoản 4 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự quy định: *"Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án dân sự là người tuy không khởi kiện, không bị kiện, nhưng việc giải quyết vụ án dân sự có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ nên họ được tự mình đề nghị hoặc các đương sự khác đề nghị và được Tòa án chấp nhận đưa họ vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Trường hợp việc giải quyết vụ án dân sự có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của một người nào đó mà không có ai đề nghị đưa họ vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thì Tòa án phải đưa họ vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan"*. Xét thấy trong vụ án này, bà L có khai là bán đất cho ông H, bà H tuy nhiên việc tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông H, bà H và ông P, bà T không liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của bà L trong vụ án, nên Tòa án chỉ đưa bà Triệu Thị L và tham gia tố tụng với tư cách người làm chứng để xác định về nguồn gốc đất. Do vậy, yêu cầu đưa bà Triệu Thị L của Viện kiểm sát vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không có cơ sở để xem xét chấp nhận.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp thể hiện hộ ông Hoàng Văn H được Ủy ban nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 765675 ngày 09/01/2002 đối với thửa đất số 99, tờ bản đồ số 37 diện tích 1360m², đất ĐRM. Tại Sổ mục kê đất năm 2002 của xã Hy Cương, thành phố V, tỉnh P cũng thể hiện tại tờ bản đồ số 37, thửa số 99 ông Hoàng Văn H là chủ sử dụng đối với diện tích 1360m² đất. Tại sổ địa chính năm 2002 của xã Hy Cương, huyện Lâm Thao, tỉnh P cũng thể hiện ông Hoàng Văn H và vợ là bà Nguyễn Thị H là chủ sử dụng thửa đất số 99, tờ bản đồ số 37, diện tích 1360m² tại Gò Động,

[2.2]. Tài liệu, chứng cứ do nguyên cung cấp còn phù hợp với lời khai của đại diện Ủy ban nhân dân xã Hy Cương, thành phố V, tỉnh P thừa nhận năm 2002, hộ ông Hoàng Văn H được Ủy ban nhân dân huyện Lâm Thao cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong đó có thửa đất số 99, tờ 37, diện tích 1360m² đất màu đồi (theo bản đồ 299). Hiện tại toàn bộ diện tích đất của 02 thửa đất 192; 214 thuộc tờ bản đồ 17 (theo bản đồ địa chính đo vẽ năm 2010) vẫn nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp năm 2002 mang tên ông Hoàng Văn H mà chưa cấp cho ai khác. Tuy nhiên, trong lời trình bày Ủy ban nhân dân xã Hy Cương khai rằng: Theo bản đồ địa chính năm 2010 đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, khi nhà nước tiến hành đo đạc để L bản đồ địa chính mới thì thửa đất số 99, tờ 37 trên được đo tách thành 02 thửa gồm: Thửa đất số 192, tờ bản đồ 17, diện tích 1005,5m² mang tên Hoàng Văn H. Thửa số 214, tờ bản đồ 17, diện tích 213,2m² mang tên Hoàng Minh P nhưng thửa đất này chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[2.3]. Xét thấy, việc Ủy ban nhân dân xã Hy Cương tách thửa đất số 99, tờ bản đồ số 37 thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 765675 của hộ ông Hoàng Văn H thành 02 thửa số 192 và 214 tờ bản đồ 17 trong đó thửa số 192 vẫn thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông H, còn thửa 214 mang tên ông Hoàng Minh P nhưng vẫn nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông H, như vậy việc tách thửa này của Ủy ban nhân dân xã Hy Cương đã không thực hiện đúng quy định của pháp luật về đất đai, đó là đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng cho hộ ông H nhưng Ủy ban nhân dân xã Hy Cương lại tự tách thửa và tự điều chỉnh trên bản đồ địa chính cho hộ ông P là không đúng và không tuân thủ quy định của pháp luật về thu hồi, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Thửa đất số 99, tờ bản đồ 37 nay là thửa 192 và thửa 214, tờ bản đồ 17 thuộc quy hoạch vùng II Đền Hùng đến thời điểm này chưa có quyết định và thông báo thu hồi đất của các cấp có thẩm quyền. Việc làm trên của Ủy ban nhân dân xã Hy Cương đã vi phạm quy định về quản lý đất đai dẫn đến cấp CH chéo, xâm phạm đến quyền quản lý, sử dụng hợp pháp của hộ gia đình ông H, bà H đối với thửa đất số 99, tờ bản đồ số 37 diện tích 1360m², đất ĐRM được Ủy ban nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T765675 ngày 09/01/2002.

[2.4]. Điều này còn phù hợp với lời trình bày của đại diện Ủy ban nhân dân thành phố V, tỉnh P là theo bản đồ địa chính thửa đất số 99, tờ bản đồ số 37, diện

tích 1.360m² đất màu (ĐRM) đang được thể hiện hai thửa đất (Thửa số 192, tờ bản đồ 17, diện tích 1005,5m² và thửa số 214, tờ bản đồ số 17, diện tích 213,2m²). Hai thửa đất 192 và 214 thuộc thửa đất số 99, tờ bản đồ số 37 đã được Ủy ban nhân dân huyện Lâm Thao cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 765675 cho hộ ông Hoàng Văn H ngày 09/01/2002, số vào sổ H 00642 QSDĐ/Q5, (081).

[2.5]. Về nguồn gốc thửa đất theo lời khai của bà Nguyễn Thị H và bà Triệu Thị L thì do bà L khai Hng thửa đất và nhượng lại cho bà H sử dụng. Tòa án đã tiến hành xác minh về nguồn gốc thửa đất và tại Biên bản xác minh ngày 06/4/2022 của Tòa án tại Ủy ban nhân dân xã Hy Cương được bà L và đại diện chính quyền địa P cho biết về nguồn gốc thửa đất là do bà L khai Hng, phục hóa sử dụng một thời gian, đến khoảng năm 1987 - 1988, bà L không có nhu cầu sử dụng nên đã nhượng lại cho bà H và ông H sử dụng là đúng.

[2.6]. Từ những phân tích và nhận định trên thì thửa đất số 99, tờ bản đồ 37 nay là thửa 192 và thửa 214, tờ bản đồ 17 thuộc quyền sử dụng hợp pháp của hộ ông H, bà H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T765675 do Ủy ban nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh P cấp ngày 09/01/2002 là có căn cứ.

[3]. Đối với cây cối lâm lộc trên đất gồm: 03 búi tre; 01 cây bạch đàn và 10 cây cọ. Ngày 16/7/2021, Tòa án đã tiến hành thẩm định và định giá xác định: 03 búi tre 50 cây x 12.000đ/01 cây x 03 búi = 1.800.000đ; 01 cây bạch đàn đường kính 30cm trị giá 103.400đ; 10 cây cọ 387.400đ/01 cây x 10 cây = 3.874.000đ. Tổng giá trị tài sản là 5.777.400đ.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn cho rằng cây bạch đàn tự mọc, 02 búi tre phía trong là do bà H trồng, còn búi tre ngoài là do ông P cắm cành nay mọc thành búi, gia đình ông H, bà H chỉ nhất trí bồi thường cho gia đình ông P 01 búi tre phía ngoài với giá là 500.000đ. Còn gia đình ông P trình bày tre và bạch đàn đều do ông P trồng, nhưng hai bên đều không trình bày về 10 cây cọ là do ai trồng hay có từ trước. Xét thấy, ngoài lời trình bày trên thì hai bên đương sự đều không đưa ra được căn cứ, tài liệu gì chứng minh nguồn gốc của cây cối là do ai trồng, tự mọc hay có từ trước. Sau khi Tòa án xác minh và lấy lời khai của những người làm chứng là bà Triệu Thị L, ông Triệu Xuân L, ông Nguyễn Văn B đều trú tại khu 7, xã Hy Cương và được bà L, ông L, ông B cho biết cây cối là do ông P trồng, còn đất thì không biết của ai. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy rằng, nay cây cối nằm trên đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông H, bà H, nên cần giao cho ông H, bà H được tiếp tục quản lý, sử dụng và yêu cầu ông H, bà H phải thanh toán lại giá trị tài sản là cây cối lâm lộc trên đất với số tiền 5.777.400đ cho ông P, bà T là phù hợp.

[4]. Tại phiên tòa ông Nguyễn Hoàng P có nộp một số tài liệu chứng cứ trong đó có 03 Biên bản làm việc tại Ủy ban nhân dân xã Hy Cương các ngày 17/9/2020 ; ngày 07/10/2020 ; ngày 24/12/2020 giữa hộ bà Đào Thị T và hộ bà Nguyễn Thị H liên quan đến diện tích đất tranh chấp, tuy nhiên trong 03 buổi làm việc đều hòa giải không thành do hai bên không thống nhất được với nhau về nội dung giải quyết tranh chấp. Đối với giấy đề nghị ngày 18/5/2020 của ông Hoàng Minh P có ông Đào Văn Chiến nguyên là địa chính xã Hy Cương xác nhận "*Ông Hoàng Minh P khu 7 có canh tác tại khu Lũng Luận từ năm 1988 đến năm 2012 không có đơn đề nghị gì khác. Vậy tôi kính đề nghị cơ quan có thẩm quyền giải*

quyết”, đơn có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Hy Cương với nội dung “Ông Đào Văn Chiến, nguyên là cán bộ địa chính xã Hy Cương có chữ ký trong đơn của ông Hoàng Minh P, công dân xã Hy Cương là đúng”. Đối với Giấy xác nhận đất giáp ranh của ông Hoàng Minh P ngày 20/3/2020 để làm bìa đỏ có bà Triệu Thị L, ông Nguyễn Văn B xác nhận có đất cầm B với ông P. Ông Trần Thế K xác nhận ông P có mảnh đất liền kề với đất của ông B và bà L. Đơn có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Hy Cương với nội dung “Ông Hoàng Minh P, ông Nguyễn Văn B, bà Triệu Thị L, ông Trần Thế K có khẩu tại xã Hy Cương, kính chuyển cấp có thẩm quyền xem xét giải quyết”. Đối với Giấy chứng nhận của ông Triệu Xuân L ngày 08/6/2020 có nội dung “...đến năm 1988, tôi lại thấy ông Hoàng Minh P khai phá trồng sắn, vùng, tre, bạch đàn từ năm 1988 đến tháng 06/2020 ông Vẫn canh tác không tranh chấp với ai. Vậy tôi chứng nhận gia đình ông P vẫn canh tác bằng thực”, đơn có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Hy Cương xác nhận : “Ông Triệu Xuân L có khẩu tại khu 7, xã Hy Cương có nội dung trong đơn kính chuyển các cấp có thẩm quyền giải quyết”. Căn cứ vào các tài liệu ông P cung cấp, Hội đồng xét xử thấy rằng các tài liệu trên có bà L, ông B, ông Chiến, ông K xác nhận có đất cầm B với ông P, ông P có canh tác trên thửa đất đang tranh chấp nhưng chính quyền địa P là Ủy ban nhân dân xã Hy Cương không xác nhận về nội dung, cũng như không xác nhận đây là đất của ông P mà chỉ xác nhận các ông bà trên có hộ khẩu tại khu 7, xã Hy Cương, mặt khác đối với các ông Trần Thế K, ông Nguyễn Văn B, ông Triệu Xuân L, bà Triệu Thị L Tòa án đã đưa vào tham gia tố tụng với tư cách người làm chứng, những người này đã có bản tự khai lưu trong hồ sơ vụ án và họ chỉ trình bày có thấy ông P trồng cây cối trên thửa đất tranh chấp còn đất của ai thì các ông bà không biết. Do vậy, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được nhận định tại các mục [2.2], [2.3], [2.4], [2.5] trong bản án thì không có căn cứ xác định thửa đất số 214, tờ bản đồ 17, diện tích 213,2m² đất ĐRM (hiện trạng sử dụng 215,0m²) thuộc khu 7, xã Hy Cương, thành phố V, tỉnh P thuộc quyền sử dụng của ông Hoàng Minh P và bà Đào Thị T.

[5]. Về chi phí tố tụng và án phí dân sự sơ thẩm:

- Về chi phí tố tụng: Tổng số tiền đo đạc, thẩm định và định giá tài sản là 6.200.000đ (Sáu triệu, hai trăm nghìn đồng) xét thấy phần đất thuộc quyền quản lý hợp pháp của ông H, bà H nhưng về phần cây cối lâm lộc trên đất ông H, bà H được giao quyền quản lý, sử dụng và phải thanh toán chênh lệch giá trị tài sản cho ông P, bà T. Cho nên, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên thì cần buộc mỗi bên phải chịu ½ chi phí tố tụng là hợp lý. Do vậy, ông H, bà H và ông P, bà T mỗi bên phải chịu 3.100.000đ (Ba triệu, một trăm nghìn đồng) chi phí tố tụng. Xác nhận bà Nguyễn Thị H đã nộp chi phí thẩm định, định giá tài sản là 6.200.000đ (Sáu triệu, hai trăm nghìn đồng) theo Biên bản giao nhận chi phí tố tụng ngày 16/7/2021 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh P. Vì vậy, cần buộc ông P, bà T phải nộp lại số tiền 3.100.000đ (Ba triệu, một trăm nghìn đồng) để trả cho nguyên đơn.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Ông Hoàng Văn H, bà Nguyễn Thị H khởi kiện được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, tuy nhiên ông H, bà H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí về tài sản mà mình được hưởng.

+ Ông Hoàng Minh P, bà Đào Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, tuy nhiên ông P, bà T là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên không phải chịu án phí.

[6]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[7]. Xét quan điểm của Luật sư.

- Đối với yêu cầu buộc ông Hoàng Minh P và bà Đào Thị T phải trả lại thửa đất số 214, tờ bản đồ 17, diện tích 213,2m² thuộc khu 7, xã Hy Cương, thành phố V, tỉnh P và công nhận ông Hoàng Văn H và bà Nguyễn Thị H được quyền sử dụng đối với thửa đất số 99, tờ bản đồ số 37 diện tích 1360m², loại đất ĐRM theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T765675 do Ủy ban nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh P cấp ngày 09/01/2002 đứng tên hộ ông Hoàng Văn H tại khu 4, xã Hy Cương, huyện Lâm Thao, tỉnh P. Nay là thửa số 192 diện tích 1005,5m² và thửa số 214 diện tích 213,2m² tờ bản đồ số 17 tại khu 7, xã Hy Cương, thành phố V, tỉnh P là có căn cứ được xem xét chấp nhận.

- Đối với cây cối lâm lộc trên đất quan điểm luật sư cho rằng tài sản trên đất 01 cây bạch đàn và 02 bụi tre là của ông H, bà H nên chỉ đồng ý thanh toán chênh lệch 500.000đ cho ông P, bà T đối với bụi tre giáp đường đi dân sinh là không đủ cơ sở xem xét.

[8]. Xét quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, tỉnh P là có căn cứ được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 100, 106, 166, khoản 1 Điều 203 Luật Đất đai; khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, khoản 2 Điều 147, Điều 157, 158, 165, 166, 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm b khoản 2 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Văn H và bà Nguyễn Thị H đối với ông Hoàng Minh P và bà Đào Thị T về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

2. Buộc ông Hoàng Minh P và bà Đào Thị T phải trả lại cho ông Hoàng Văn H và bà Nguyễn Thị H thửa đất số 214, tờ bản đồ 17, diện tích 213,2m² đất ĐRM (hiện trạng sử dụng 215,0m²) theo các chỉ giới 7, 8, 9, 10, 11, 7 thuộc khu 7, xã Hy Cương, thành phố V, tỉnh P.

3. Công nhận ông Hoàng Văn H và bà Nguyễn Thị H được quyền sử dụng đối với thửa đất số 99, tờ bản đồ số 37 diện tích 1360m², loại đất ĐRM theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T765675 do Ủy ban nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh P cấp ngày 09/01/2002 đứng tên hộ ông Hoàng Văn H tại khu 4, xã Hy Cương, huyện Lâm Thao, tỉnh P. Nay là thửa số 192 diện tích 1005,5m² (hiện trạng

sử dụng 963,5m²) theo các chỉ giới 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 11, 10, 1 và thửa số 214 diện tích 213,2m² (hiện trạng sử dụng 215,0m²) theo các chỉ giới 7, 8, 9, 10, 11, 7 tờ bản đồ số 17 tại khu 7, xã Hy Cương, thành phố V, tỉnh P. *(Có sơ đồ hiện trạng kèm theo).*

4. Giao cho ông Hoàng Văn H và bà Nguyễn Thị H được quyền quản lý, sử dụng đối với cây cối lâm lộc trên đất gồm: 03 búi tre 50 cây x 12.000đ/01 cây x 03 búi = 1.800.000đ; 01 cây bạch đàn đường kính 30cm trị giá 103.400đ; 10 cây cọ 303.360đ/01 cây x 10 cây = 3.874.000đ. Ông Hoàng Văn H và bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ thanh toán chênh lệch tài sản cho ông Hoàng Minh P và bà Đào Thị T số tiền là 5.777.400đ *(Năm triệu, bảy trăm bảy mươi bảy nghìn, bốn trăm đồng).*

Kể từ ngày bản án có hiệu lực phát luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án cho đến khi thi hành án xong theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

5. Ông Hoàng Văn H và bà Nguyễn Thị H có quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để yêu cầu cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

6. Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn ông Hoàng Văn H, bà Nguyễn Thị H và bị đơn ông Hoàng Minh P, bà Đào Thị T mỗi bên phải chịu 3.100.000đ *(Ba triệu, một trăm nghìn đồng)* chi phí đo đạc, thẩm định và định giá tài sản. Xác nhận bà H đã nộp số tiền 6.200.000đ *(Sáu triệu, hai trăm nghìn đồng)* theo biên bản giao nhận chi phí tố tụng ngày 16/7/2021 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh P. Buộc ông P, bà T phải nộp lại số tiền 3.100.000đ *(Ba triệu, một trăm nghìn đồng)* để trả cho ông H, bà H.

7. Về án phí:

- Ông Hoàng Minh P và bà Đào Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do là người cao tuổi.

+ Ông Hoàng Văn H, bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí về tài sản. Xác nhận bà Nguyễn Thị H đã nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0000240 ngày 11/5/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V, tỉnh P.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- VKSND TP. V;T P;
- *Chi cục THADS TP. V;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HS, VP.*

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

L^a Anh T

